

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024
Về việc phê duyệt, bãi bỏ các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội

(Tiếp theo Công báo số 280+281)

Phụ lục II**NỘI DUNG CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 5210/QĐ-UBND ngày 04/10/2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

12. Quy trình Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn (QT-12)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; - Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng theo mẫu; - Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực); - Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau): + Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; + Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật; + Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật; + Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; + Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. - Bản chính giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau): + Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước. + Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu. + Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất	x x	x

lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục XXXI ban hành kèm theo Thông tư 05/2024/TT-BGTVT. + Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước: * Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; * Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật. + Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng: * Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật; * Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại). - Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng, giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (trường hợp xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng) thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính.		
---	--	--

3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn kiểm tra: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Thời hạn kiểm tra: không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; - Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến			
3.6	Phí, lệ phí			
	Lệ phí cấp mới giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà Nội. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải.	Cá nhân	Giờ hành chính	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng

B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên trực một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: Hồ sơ bản cứng (dữ liệu hồ sơ điện tử nếu có)	- Chuyên viên trực một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu. - Hồ sơ đầy đủ theo quy định: liên hệ với chủ sở hữu để: cập nhật thông tin chính xác nơi đặt máy; hẹn thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng; trường hợp đơn vị chưa bố trí kiểm tra được thì tạm dừng hồ sơ chờ đơn vị sắp xếp phối hợp kiểm tra, hẹn lại thời gian kiểm tra. Trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: sau khi cập nhật thông tin địa chỉ nơi đặt máy do đơn vị cung cấp, chuyên viên trình lãnh đạo	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 ngày	

	ký văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng.			
B5	Kiểm tra xe máy chuyên dùng (trường hợp đơn vị chưa bố trí kiểm tra được thì tạm dừng hồ sơ chờ đơn vị sắp xếp phối hợp kiểm tra, hẹn lại thời gian kiểm tra).	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	Trong vòng 5 ngày kể từ ngày hẹn kiểm tra	Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng
B6	- Thẩm định, trình và ký duyệt hồ sơ và đăng ký xe máy chuyên dùng - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: trình và ký văn bản thông báo nêu rõ lý do.	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	2,5 ngày làm việc	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, Văn thư Sở	1 giờ	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	2 giờ	Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ CÓ THỜI HẠN XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):
3. Số CCCD hoặc CMND:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): ngày cấp.....; Nơi cấp.....
Địa chỉ thường trú / trụ sở:
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):
7. Số CCCD hoặc CMND:
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):.....
Ngày cấp; Nơi cấp.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng:(kg)
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
19. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trả số động cơ)

(Dán trả số khung)

** chỉ dán trả số động cơ của máy chính*

Biển số đề nghị cấp:.....

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến:.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

13. Quy trình Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng (QT-13)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Bộ Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Bộ Giao thông vận tải Hà Nội.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; - Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Tờ khai cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng theo mẫu; - Giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực) là một trong những giấy tờ sau: + Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; + Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật; + Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật; + Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; + Quyết định xuất, bản hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. - Giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực) là một trong những giấy tờ sau: + Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước. + Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu. + Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra	X	

	chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục XXXI ban hành kèm theo Thông tư 05/2024/TT-BGTVT. + Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước: * Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; * Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật. + Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng: * Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật; * Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại).		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến.		

3.6	Phí, lệ phí			
	Lệ phí cấp mới giấy đăng ký kèm theo biên số: 70.000 đồng/lần/phương tiện.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà nội. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo quy định
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: Hồ sơ bản cứng (dữ liệu hồ sơ điện tử nếu có)	- Chuyên viên trực một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 ngày làm việc	

B5	- Thẩm định, trình và ký duyệt hồ sơ và đăng ký xe máy chuyên dùng. - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: trình và ký văn bản thông báo nêu rõ lý do.	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1,5 ngày làm việc	Giấy chứng nhận đăng ký, tạm thời xe máy chuyên dùng
B6	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, Văn thư Sở	0,5 giờ	Giấy chứng nhận đăng ký, tạm thời xe máy chuyên dùng
B7	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	2,5 giờ	Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký, tạm thời xe máy chuyên dùng
B9	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Tờ khai cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

Mẫu số 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI
XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):
3. Số CCCD hoặc CMND:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): ngày cấp.....; Nơi cấp.....
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):
7. Số CCCD hoặc CMND:
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
Ngày cấp; Nơi cấp.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
12. Nước sản xuất: 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng:(kg)
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
19. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

Số đăng ký tạm thời: cấp ngày..... Tháng năm.....

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến:.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

** Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:*

- *Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng kèm hồ sơ 01 bản;*
- *01 Lưu tại Sở Giao thông vận tải 01 bản*

14. Quy trình Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng (QT-14)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; - Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Tờ khai đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng; - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp; - Bản chính Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ Giao thông vận tải đối với trường hợp xe máy chuyên dùng cải tạo; - Quyết định hoặc giấy tờ về việc thay đổi do cơ quan cổ thẩm quyền cấp đối với trường hợp chủ sở hữu thay đổi thông tin liên quan (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	Trường hợp thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng nhận đăng ký hoặc biển số bị hỏng: + Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định; + Cấp đổi biển số: trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định. - Trường hợp cải tạo, thay đổi màu sơn: + Thời hạn kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; + Thời hạn kiểm tra: 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; + Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến.		

3.6	Phí, lệ phí			
	- Lệ phí đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện; - Lệ phí đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện; - Lệ phí đóng lại số khung, số máy: 50.000 đồng/lần/phương tiện.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
3.7.1	Trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký do: thay đổi các thông tin liên quan đến chủ sở hữu (không thay đổi chủ sở hữu); Giấy chứng nhận đăng ký bị hỏng:			
B1	+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà nội. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải.	Cá nhân	Giờ hành chính	Tờ khai đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên trực một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: Hồ sơ bản cứng (dữ liệu hồ sơ điện tử nếu có)	- Chuyên viên trực một cửa - Chuyên viên phòng Quản	2 Giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP

		lý vận tải		
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	2 giờ	
B6	- Thẩm định, trình và ký duyệt hồ sơ và đăng ký xe máy chuyên dùng; - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: trình và ký văn bản thông báo nêu rõ lý do.	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	2 ngày làm việc	Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, Văn thư Sở	2 giờ	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên Bộ phận một cửa	2 giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP

	hành chính			
3.7.2	Trường hợp cấp đổi Biển số bị hỏng:			
B1	+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà nội. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải.	Cá nhân	Giờ hành chính	Tờ khai đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên trực một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: Hồ sơ bản cứng (dữ liệu hồ sơ điện tử nếu có)	- Chuyên viên trực một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 Giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	2 giờ	
B5	Dự thảo, trình và ký duyệt văn bản gửi Cục Đường bộ Việt Nam đề nghị cấp biển	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên	3 ngày làm việc	

		phòng Quản lý vận tải		
B6	Thực hiện và phối hợp theo trình tự hướng dẫn của cơ quan cấp biển số; chờ đơn vị cung cấp, cấp phát, sản xuất và bàn giao biển số theo đề nghị. (Tạm dừng hồ sơ chờ trong trường hợp biển số chưa được cấp phát do nguyên nhân khách quan chưa nhận được biển số).	Lãnh đạo, Chuyên viên phòng Quản lý vận tải và Văn phòng Sở	10 ngày làm việc	
B7	Trình và ký duyệt hồ sơ cấp đổi biển số xe máy chuyên dùng.	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1,5 ngày làm việc	
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa (sau khi nhận được biển số theo đề nghị)	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Biển số xe máy chuyên dùng
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
3.7.3	Trường hợp cải tạo, thay đổi màu sơn:			
B1	+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà nội. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến,	Cá nhân	Giờ hành chính	Tờ khai đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe

	sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải.			máy chuyên dùng
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên trực một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: Hồ sơ bản cứng (dữ liệu hồ sơ điện tử nếu có)	- Chuyên viên trực một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1,5 Giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu. - Trường hợp cải tạo, đổi màu sơn xe: liên hệ với chủ sở hữu để cập nhật thông tin chính xác nơi đặt máy và hẹn thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 ngày làm việc	
B5	- Trường hợp đơn vị chưa bố trí kiểm tra được thì tạm dừng hồ sơ chờ đơn vị sắp xếp, bố trí phối hợp kiểm tra, hẹn lại thời gian kiểm tra. - Trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	Trong vòng 5 ngày kể từ ngày hẹn kiểm tra	Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng

	ngoài địa phương cấp đăng ký: sau khi cập nhật thông tin địa chỉ nơi đặt máy do đơn vị cung cấp (trường hợp vì một số lý do đơn vị chưa cung cấp được địa chỉ thì tạm dừng hồ sơ, chờ đơn vị cung cấp địa chỉ), chuyên viên trình lãnh đạo ký văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết đề nghị hỗ trợ kiểm tra xe máy chuyên dùng. (Sau khi gửi văn bản đi, tạm dừng hồ sơ chờ kết quả kiểm tra).			
B6	- Tiếp tục hồ sơ sau khi nhận được kết quả kiểm tra xe máy chuyên dùng. Thẩm định, trình và ký duyệt hồ sơ và đăng ký xe máy chuyên dùng - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: trình và ký văn bản thông báo nêu rõ lý do.	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	2,5 ngày làm việc	Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, Văn thư Sở	1 giờ	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên Bộ	1,5 giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT- VPCP

		phận một cửa		
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Tờ khai đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIÊN SỐ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):
3. Số CCCD hoặc CMND:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): ngày cấp.....; Nơi cấp.....
Địa chỉ thường trú / trụ sở:
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):
7. Số CCCD hoặc CMND:
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
Ngày cấp; Nơi cấp.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW)
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng:(kg)
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biên số là..... do Sở Giao thông vận tải..... cấp ngàytháng.....năm.....
Lý do xin đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biên số:.....
Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người khai

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

** chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

Cấp theo đăng ký, biển số cũ:

....., ngày.....tháng.....năm...

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

** Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:*

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;

15. Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất (QT-15)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; - Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

3.2	Thành phần hồ sơ			Bản chính	Bản sao
	- Tờ khai cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu; - Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký theo mẫu.			X	
3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ				
3.4	Thời gian xử lý				
	- Thời hạn Sở thực hiện đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn đăng tải: 15 ngày; - Thời hạn cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký: 3 ngày làm việc kể từ ngày hết thời gian đăng tải.				
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến.				
3.6	Phí, lệ phí				
	- Lệ phí cấp lại giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện; - Lệ phí cấp lại giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện.				
3.7	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	
B1	+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà nội.	Cá nhân	Giờ hành chính	Tờ khai đổi, cấp lại Giấy chứng nhận	

	+ Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải.			đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên trực một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: Hồ sơ bản cứng (dữ liệu hồ sơ điện tử nếu có)	- Chuyên viên trực một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 ngày làm việc	
	Hồ sơ đủ điều kiện thực hiện đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn phòng Sở	2 ngày làm việc	
B5	Tạm dừng hồ sơ /Đăng thông tin 15 ngày trên website của Sở	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, chuyên viên Văn phòng Sở	15 ngày	

B6	- Thẩm định, trình và ký duyệt hồ sơ và đăng ký xe máy chuyên dùng. - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: trình và ký văn bản thông báo nêu rõ lý do.	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1,5 ngày làm việc	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, Văn thư Sở	1 giờ	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải Chuyên viên Bộ phận một cửa	2 giờ	Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Tờ khai cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng; 2. Mẫu Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
 2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):
 3. Số CCCD hoặc CMND:
 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh): ngày cấp.....; Nơi cấp.....
Địa chỉ thường trú / trụ sở:
 5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):
 6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):
 7. Số CCCD hoặc CMND:
 8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):
Ngày cấp; Nơi cấp.....
 9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
 10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW)
 11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
 12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
 13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng:(kg).....
 18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
- Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là..... do Sở Giao thông vận tải..... cấp ngàytháng.....năm.....
- Lý do xin đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số:.....
- Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người khai

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

** chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

Cấp theo đăng ký, biển số cũ:

....., ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

** Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:*

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;

**Mẫu Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng
tại địa phương đăng ký**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

THÔNG BÁO CÔNG KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Họ và tên chủ sở hữu:.....Số CMND (Căn cước hoặc hộ chiếu).....

Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Địa chỉ thường trú:.....

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....

Nhãn hiệu (mác, kiểu):.....Công suất.....

Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....

Số động cơ:.....Số khung.....

Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....

Nay tôi xin thông báo công khai, nếu ai có tranh chấp quyền sở hữu chiếc xe máy chuyên dùng nêu trên xin gửi về Sở Giao thông vận tải.....

Sau 07 ngày kể từ khi đăng tải thông báo này, nếu không có tranh chấp, Sở Giao thông vận tải sẽ tiến hành làm thủ tục đăng ký cho tôi theo quy định của pháp luật.

Chủ phương tiện

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của đơn vị đăng thông báo:

Đã thực hiện thông báo công khai tại.....

Thời hạn thông báo là 07 ngày: Từ ngày.../.../.... đến ngày.../.../.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng đơn vị thông báo

(Ký tên, đóng dấu)

** Ghi chú:*

Bản thông báo này được lưu trong hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải

16. Quy trình Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố (QT-16)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; - Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu; - Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau): + Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; + Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật; + Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật; + Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; + Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. (Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp Xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính). - Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp (bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn kiểm tra: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;		

	- Thời hạn kiểm tra: không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; - Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	- Lệ phí cấp giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà nội. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải.	Cá nhân	Giờ hành chính	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu 01, mẫu số 03 số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B3	Bàn giao hồ sơ: Hồ sơ bản cứng (dữ liệu hồ sơ điện tử nếu có)	- Chuyên viên Bộ phận một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu. - Hồ sơ đầy đủ theo quy định: liên hệ với chủ sở hữu để: cập nhật thông tin chính xác nơi đặt máy; hẹn thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng; trường hợp đơn vị chưa bố trí kiểm tra được thì tạm dừng hồ sơ chờ đơn vị sắp xếp phối hợp kiểm tra, hẹn lại thời gian kiểm tra. Trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: sau khi cập nhật thông tin địa chỉ nơi đặt máy do đơn vị cung cấp, chuyên viên trình lãnh đạo ký văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 ngày làm việc	

B5	Kiểm tra xe máy chuyên dùng (trường hợp đơn vị chưa bố trí kiểm tra được thì tạm dừng hồ sơ chờ đơn vị sắp xếp phối hợp kiểm tra, hẹn lại thời gian kiểm tra)	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	Trong vòng 5 ngày kể từ ngày hẹn kiểm tra	Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng
B6	- Thẩm định, trình và ký duyệt hồ sơ và đăng ký xe máy chuyên dùng; - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: trình và ký văn bản thông báo nêu rõ lý do.	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	2,5 ngày làm việc	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, Văn thư Sở	1 giờ	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	2 giờ	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP

4	BIỂU MẪU
	1. Mẫu Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
3. Số CCCD hoặc CMND:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
7. Số CCCD hoặc CMND:
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: (kg)
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
19. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					
3					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đề nghị Sở Giao thông vận tảixem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:*(Dán trà số động cơ)**(Dán trà số khung)*** chỉ dán trà số động cơ của máy chính**- Đăng ký lần đầu ☐;**Số biển số cũ (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp***Cán bộ làm thủ tục***(Ký, ghi rõ họ tên)***Trưởng phòng duyệt***(Ký, ghi rõ họ tên)***GIÁM ĐỐC***(Ký tên, đóng dấu)*** Ghi chú: - Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;**- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;**- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

17. Quy trình Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (QT-17)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; - Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu; - Bản chính giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau): + Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật; + Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính; + Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật; + Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật; + Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; + Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. (Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp Xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính). - Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp.	X	X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến.		

3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà Nội. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo quy định
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên trực một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 03 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ	- Chuyên viên trực một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 giờ	Mẫu số 05 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ. - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 ngày làm việc	

B5	- Thẩm định, trình và ký duyệt hồ sơ và đăng ký xe máy chuyên dùng. (Chuyên viên phòng chuyên môn thu lại biển số của chủ sở hữu, cắt góc giấy chứng nhận xe máy chuyên dùng trước khi trả kết quả hồ sơ di chuyển). -Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: trình và ký văn bản thông báo nêu rõ lý do.	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1,5 ngày làm việc	Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký
B6	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, Văn thư Sở	1 giờ	Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký
B7	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải;Chuyên viên Bộ phận một cửa	2 giờ	Mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký
B9	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT- VPCP

4	BIỂU MẪU
	1. Mẫu Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
 2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
 3. Số CCCD hoặc CMND:
 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
 5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
 6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
 7. Số CCCD hoặc CMND:
 8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
 9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
 10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
 11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
 12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
 13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: (kg)
 18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
 - Biển số đăng ký:.....Ngày cấp.....Cơ quan cấp.....
- Nay tôi xin được di chuyển xe máy chuyên dùng nói trên đến Sở Giao thông vận tảiđể được tiếp tục đăng ký.

....., ngày.....tháng.....năm

Chủ phương tiện
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sổ Giao thông vận tải nơi chuyển đi:

Đã di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng Biển đăng ký:.....
đến Sổ Giao thông vận tải:.....

..... ngày.....tháng.....năm

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:

- 01 Cho chủ sở hữu kèm hồ sơ;
- 01 Lưu tại Sổ GTVT nơi di chuyển đi.

18. Quy trình Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến (QT-18)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; - Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu quy định; - Bản chính Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp theo quy định kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký.	X	X	
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn kiểm tra: 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; - Thời hạn kiểm tra: không quá 05 ngày kể từ ngày viết giấy hẹn; trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký: thời hạn kiểm tra không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; - Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Lệ phí cấp giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà nội.	Cá nhân	Giờ hành chính	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng

	+ Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải.			
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên trực một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: Hồ sơ bản cứng (dữ liệu hồ sơ điện tử nếu có)	- Chuyên viên trực một cửa - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu. - Hồ sơ đầy đủ theo quy định: liên hệ với chủ sở hữu để: cập nhật thông tin chính xác nơi đặt máy; hẹn thời gian kiểm tra xe máy chuyên dùng; trường hợp đơn vị chưa bố trí kiểm tra được thì tạm dừng hồ sơ chờ đơn vị sắp xếp phối hợp kiểm tra, hẹn lại thời gian kiểm tra. Trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 ngày làm việc	

	ngoài địa phương cấp đăng ký: sau khi cập nhật thông tin địa chỉ nơi đặt máy do đơn vị cung cấp, chuyên viên trình lãnh đạo ký văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết kiểm tra xe máy chuyên dùng.			
B5	Kiểm tra xe máy chuyên dùng (trường hợp đơn vị chưa bố trí kiểm tra được thì tạm dừng hồ sơ chờ đơn vị sắp xếp phối hợp kiểm tra, hẹn lại thời gian kiểm tra)	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	Trong vòng 5 ngày kể từ ngày hẹn kiểm tra	Biên bản kiểm tra xe máy chuyên dùng
B6	- Thẩm định, trình và ký duyệt hồ sơ và đăng ký xe máy chuyên dùng. - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: trình và ký văn bản thông báo nêu rõ lý do.	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	2,5 ngày làm việc	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, Văn thư Sở	1 giờ	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B8	Bàn giao Chuyên viên trực một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên trực một cửa	2 giờ	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy chứng nhận đăng ký; biển số xe máy chuyên dùng
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
3. Số CCCD hoặc CMND:
4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
7. Số CCCD hoặc CMND:
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: (kg)
18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
19. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					
3					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
 Đề nghị Sở Giao thông vận tảixem xét cấp
 Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:*(Dán trà số động cơ)**(Dán trà số khung)*** chỉ dán trà số động cơ của máy chính**- Đăng ký lần đầu ☐;**Số biển số cũ (nếu có):.....Biển số đề nghị cấp***Cán bộ làm thủ tục***(Ký, ghi rõ họ tên)***Trưởng phòng duyệt***(Ký, ghi rõ họ tên)***GIÁM ĐỐC***(Ký tên, đóng dấu)***Ghi chú: - Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;**- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;**- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

19. Quy trình Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng (QT-19)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Quyết định số 545/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Tờ khai thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu; - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số.	X	

3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	- 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	+ Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải Hà nội. + Hoặc đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến, sau đó mang hồ sơ đến nộp tại Bộ phận Một cửa Sở Giao thông vận tải.	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo quy định
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên trực một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B3	Bàn giao hồ sơ: Hồ sơ bản cứng (dữ liệu hồ sơ điện tử nếu có)	- Chuyên viên trực một cửa; - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Kiểm tra hồ sơ: - Hồ sơ chưa đủ: hướng dẫn chủ sở hữu bổ sung, hoàn thiện lại. - Hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định: thông báo cho chủ sở hữu.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	5 giờ	
B5	- Thẩm định, trình và ký duyệt hồ sơ và đăng ký xe máy chuyên dùng. - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết: trình và ký văn bản thông báo nêu rõ lý do.	Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Phòng Quản lý vận tải, Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1 ngày làm việc	Thu lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
B6	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải, Văn thư Sở	1 giờ	Thu lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
B7	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Thu lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
B9	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Tờ khai thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:
 2. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
 3. Số CCCD hoặc CMND:
 4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
 5. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....
 6. Ngày tháng năm sinh (nếu có):.....
 7. Số CCCD hoặc CMND:
 8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh):; ngày cấp:; Nơi cấp:.....
 9. Loại xe máy chuyên dùng:.....
 10. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 14. Công suất:(kW).....
 11. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
 12. Nước sản xuất:..... 16. Số khung:.....
 13. Số động cơ:..... 17. Trọng lượng: (kg)
 18. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
- Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là.....
- Do Sở Giao thông vận tải.....cấp ngày ...tháng...năm.....
- Lý do xin thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số:.....
- Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Đề nghị..... thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

Số biên số:.....Ngày cấp.....Số đăng ký quản lý.....

Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biển số ngày .../...../

Lưu hồ sơ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải.....

Cán bộ làm thủ tục*(Ký, ghi rõ họ tên)***Trưởng phòng duyệt***(Ký, ghi rõ họ tên)***GIÁM ĐỐC***(Ký tên, đóng dấu)*** Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:**- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng 02 bản;**- Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ 01 bản.*

20. Quy trình Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (QT-20)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn Hà Nội có nhu cầu Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại. - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đối với phương tiện phi thương mại		
	+ Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu	x	

	+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện		X	
	+ Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ		X	
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

	phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.			
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải - Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	0,5 giờ	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	-Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia. - Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia. - Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia. - Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5giờ	Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia.(đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT- VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy phép liên vận Việt Nam- Campuchia
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT- VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia theo mẫu; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi:

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số: ngày cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

....., ngày ... tháng ... năm ...
Tổ chức/Cá nhân
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

21. Quy trình Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia (QT-21)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn Hà Nội có nhu cầu Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho cho phương tiện phi thương mại; - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội; - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đối với phương tiện phi thương mại		
	+ Giấy đề nghị Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho cho phương tiện phi thương mại.	X	

	+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện.		X
	+ Bản sao quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ.		X
	* Trường hợp Giấy phép liên vận hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu: thành phần hồ sơ theo quy định đối với hoặc phương tiện phi thương mại nêu ở trên.		
	* Trường hợp Giấy phép liên vận hư hỏng, bị mất:		
	Đối với phương tiện phi thương mại: Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại.	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không		
3.7	Quy trình xử lý công việc		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải – Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	0,5giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia. - Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia. - Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia. - Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải Văn Phòng Sở	0,5giờ	-Giấy phép liên vận Việt Nam – Campuchia(đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên trực một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải Chuyên viên trực một cửa	1 giờ	- Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy phép liên vận Việt Nam-Campuchia
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	- Mẫu số 05, mẫu số 06 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia theo mẫu; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại:..... Số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số: ngày cấp:
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màusơn	Thời gian đề nghị cấpphép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

22. Quy trình Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (QT-22)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải đóng trên địa bàn địa phương có nhu cầu Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đối với phương tiện thương mại (vận tải hành khách tuyến cố định)		
	Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;	X	
	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ		X

	quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;		
	Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào, Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia).		x
- Đối với xe phi thương mại:			
	đề nghị cấp giấy phép theo mẫu.	x	
	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);		x
	Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).		x
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		

3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 02 theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	- Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải – Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	0,5giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. - Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. - Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. - Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.(đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại hoặc phương tiện phi thương mại; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.			

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO
VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số:.....Ngày cấp:.....
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
1									
2									
3									

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ: ☐

b) Cá nhân: ☐

c) Phục vụ hoạt động của tổ chức/cá nhân: ☐

d) Mục đích khác: ☐

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA
CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:.....Ngày cấp:.....
5. Đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

- a) Hành khách theo tuyến cố định: ☐ b) Khách du lịch: ☐
c) Hành khách theo hợp đồng: ☐ d) Vận tải hàng hóa: ☐

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:đivà ngược lại

Bến đi: Bến xe(thuộc tỉnh:Việt Nam)

Bến đến: Bến xe(thuộc tỉnh:)

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:.....

Đã đượcthông báo khai thác tuyến tại công văn số... ngày... tháng... năm...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

23. Quy trình Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (QT-23)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.		
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải đóng trên địa bàn địa phương có nhu cầu Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia - Cán bộ, công chức phòng Quản lý vận tải thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội. - Cán bộ công chức tại bộ phận một cửa thuộc Sở Giao thông vận tải Hà Nội.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Quyết định 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đối với phương tiện thương mại (vận tải hành khách tuyến cố định)		
	Giấy đề nghị cấp giấy phép theo mẫu;	x	
	Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc bản sao giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký		x

	xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh;		
	Bản sao văn bản thông báo khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe khách ở Việt Nam và bến xe khách hoặc nơi đón trả khách ở Lào, Campuchia (đối với phương tiện kinh doanh tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia).		X
- Đối với xe phi thương mại:			
	Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu.	X	
	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân thì phải kèm theo tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân với phương tiện đó (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);		X
	Đối với doanh nghiệp thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh trên lãnh thổ Lào hoặc Campuchia thì kèm theo hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh doanh nghiệp đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh, trên lãnh thổ Lào, Campuchia (bản sao có chứng thực).		X
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.		

	- Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc Đăng ký gửi hồ sơ Dịch vụ công trực tuyến	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến. - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, mẫu số 2 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải – Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	0,5giờ	Mẫu số 05 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	- Kiểm tra hồ sơ, cập nhập dữ liệu, tra cứu, xác minh, thẩm định, in kết quả, bảng kê cấp giấy phép. Trình phó trưởng phòng phụ trách phê duyệt	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	4 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. - Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Phó phòng phụ trách	5 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. - Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình lãnh đạo Sở, Trưởng phòng kí Giấy phép	Trưởng phòng	5 giờ	- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. -Mẫu số 03 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B7	Đóng dấu kết quả	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Văn Phòng Sở	0,5giờ	-Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. (đã được đóng dấu)
B8	Bàn giao Chuyên viên Bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải; Chuyên viên Bộ phận một cửa	1 giờ	Mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Kiểm tra đối chiếu bản giấy, trả kết quả sau 02 giờ kể từ khi tiếp nhận)	Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa	Giờ hành chính	Mẫu số 05, mẫu số 06 Thông tư 01/2018/TT-VPCP

4	BIỂU MẪU
	1. Mẫu Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện thương mại hoặc phương tiện phi thương mại; 2. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018.

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO
VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN PHI THƯƠNG MẠI

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức/cá nhân:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại: Số Fax/Địa chỉ email:.....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) số:.....Ngày cấp:.....
5. Đề nghị cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện phi thương mại sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ: ☐

b) Cá nhân: ☐

c) Phục vụ hoạt động của tổ

d) Mục đích khác: ☐

chức/cá nhân: ☐

..., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức/Cá nhân

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH
VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM, LÀO
VÀ CAMPUCHIA CHO PHƯƠNG TIỆN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....Số Fax:
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào hoặc/và Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia số:.....Ngày cấp:.....
5. Đề nghị cấp (cấp lại) Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu xuất - nhập cảnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:
 - a) Hành khách theo tuyến cố định: ☐
 - b) Khách du lịch: ☐
 - c) Hành khách theo hợp đồng: ☐
 - d) Vận tải hàng hóa: ☐

Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách cố định bổ sung thêm các thông tin sau:

Tuyến:đivà ngược lại

Bến đi: Bến xe(thuộc tỉnh:Việt Nam)

Bến đến: Bến xe(thuộc tỉnh:)

Cự ly vận chuyển: km

Hành trình tuyến đường:.....

Đã đượcthông báo khai thác tuyến tại công văn số ngày ... tháng ... năm ...

..., ngày ... tháng ... năm ...
Đơn vị kinh doanh vận tải
 (Ký tên, đóng dấu)

24. Quy trình Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (QT-24)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân hoặc cơ sở đào tạo lái xe có nhu cầu cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; 2. Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2024; 3. Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 4. Quyết định số 3498/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Cá nhân:		
	+ Đơn đề nghị theo mẫu quy định;	X	
	+ Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);		X
	+ Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực điện tử từ bản chính);		X

	Trường hợp Bằng tốt nghiệp, Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.		
	+ 01 (một) ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.	X	
	- Cơ sở đào tạo:		
	+ Văn bản theo mẫu quy định;	X	
	+ Hồ sơ cá nhân.	X	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- Thời hạn Cơ sở đào tạo gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe về Sở Giao thông vận tải: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn. - Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định, tổ chức kiểm tra, đánh giá. - Thời hạn cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không có		

3.7 Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Cá nhân hoặc cơ sở đào tạo lái xe	Trong và ngoài giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Tra cứu, xác minh Giấy phép lái xe, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	2,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05 Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Quyết định về việc tổ chức kiểm tra lớp tập huấn cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Quyết định về việc tổ chức kiểm tra lớp tập huấn cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe

B7	Tổ chức kiểm tra, đánh giá lớp tập huấn cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.	- Tổ kiểm tra có tên trong Quyết định	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Quyết định về việc tổ chức kiểm tra lớp tập huấn cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
B8	Thẩm định kết quả kỳ kiểm tra lớp tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe.	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP;
B9	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Quyết định công nhận kết quả lớp tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe.	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Quyết định công nhận kết quả lớp tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe;
B10	In: Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; Danh sách giáo viên dạy thực hành được cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục III, VI Nghị định 65/2016/NĐ-CP.
B11	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; Hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào Giấy chứng nhận)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục III, VI Nghị định 65/2016/NĐ-CP.

B12	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; Phụ lục III, Nghị định 65/2016/NĐ-CP.
B13	Trả kết quả cho cá nhân/cơ sở đào tạo	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục III, Nghị định 65/2016/NĐ-CP.
B14	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Mẫu Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe. 3. Mẫu Đơn đề nghị tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe. 4. Mẫu Văn bản đề nghị của Cơ sở đào tạo.			

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

Căn cứ đề nghị của các cá nhân về việc tham gia tập huấn, để được cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; trên cơ sở xét duyệt Tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 138/2018/NĐ-CP, Nghị định số 70/2022/NĐ-CP và Nghị định số .../2024/NĐ-CP)

Kể từ ngày đến ngày Cơ sở đào tạo ... đã tổ chức tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe theo chương trình tập huấn về nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe theo quy định của Bộ Giao thông vận tải, đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét, tổ chức kiểm tra cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe cho (số lượng) giáo viên đã tham dự tập huấn theo danh sách dưới đây:

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh điện tử	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Giấy phép lái xe			Ghi chú
				Biên chế	Hợp đồng (thời hạn)	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm	Hạng	Ngày trúng tuyển	Thâm niên	

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

HIỆU TRƯỞNG
(GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

Kính gửi:

Tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Số định danh điện tử:

Có giấy phép lái xe số: hạng do:

cấp ngày tháng năm

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

25. Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (QT-25)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thủ tục cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân có nhu cầu cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe. Cán bộ, công chức thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; 2. Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; 3. Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10/5/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 4. Quyết định số 2784/QĐ-BGTVT ngày 29/9/2017 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố bổ sung, sửa đổi, thay thế thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	* Trường hợp bị mất, bị hỏng:		
	- Đơn đề nghị theo mẫu quy định;	X	
	- 01 (một) ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.	X	
	* Trường hợp có sự thay đổi về nội dung:		
	- Đơn đề nghị theo mẫu quy định;	X	
	- 01 (một) ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh,	X	

	kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.			
	- Tài liệu liên quan đến nội dung thay đổi tương ứng, cụ thể như sau:			
	+ Thay đổi tên của cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: Bản sao (có chứng thực hợp pháp) quyết định của cấp có thẩm quyền về việc đổi tên;		X	
	+ Thay đổi ngày tháng năm sinh, xuất trình căn cước công dân.	X		
	Trường hợp giấy tờ quy định đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử thì việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.			
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải Hà Nội, Số 258 Võ Chí Công, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. - Thực hiện trả kết quả qua Dịch vụ bưu chính công ích.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc trực tuyến)	Cá nhân hoặc cơ sở đào tạo lái xe	Trong và ngoài giờ hành chính	Theo mục 3.2.

B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày.	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	- Mẫu số 01, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP.
B3	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP.
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	0,25 ngày làm việc	Mẫu số 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP.
B5	Tra cứu, xác minh, thẩm định hồ sơ, in Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; Danh sách giáo viên dạy thực hành được cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn - Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục III, VI Nghị định 65/2016/NĐ-CP.
B6	Trình Lãnh đạo Sở; Trưởng phòng ký Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe; Hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào Giấy chứng nhận)	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng Chuyên môn, Lãnh đạo Sở Giao thông vận tải	1,0 ngày làm việc	Mẫu số 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục III, VI Nghị định 65/2016/NĐ-CP.
B7	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra Bộ phận một cửa	Chuyên viên - Sở Giao thông vận tải	0,5 ngày làm việc	Mẫu số 02, 03, 05, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT-VPCP; Phụ lục III, Nghị định 65/2016/NĐ-CP.

B8	Trả kết quả cho cá nhân/ cơ sở đào tạo	Bộ phận một cửa - Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 02, 03, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP; Phụ lục III, Nghị định 65/2016/NĐ-CP.
B9	Thống kê và theo dõi Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06, Phụ lục II, Thông tư 01/2018/TT- VPCP.
4	BIỂU MẪU			
	1. Hệ thống biểu mẫu theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được ban hành kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018. 2. Mẫu Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe. 3. Mẫu Đơn đề nghị tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

Kính gửi:

Tôi là:

Ngày tháng năm sinh:.....

Số định danh điện tử:.....

Có giấy phép lái xe số:..... hạng do:.....

cấp ngày..... tháng năm

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe hạng

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

(Xem tiếp Công báo số 284+285)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442
Fax: 024.37739443
Email: congbao@hanoi.gov.vn
Website: www.hanoi.gov.vn